ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 536 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 06 tháng 06 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Tam Tiến (Mỏ Trạng), huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 75/TTr-SXD ngày 27/5/2024 kèm theo Báo cáo số 201/BC-SXD ngày 27/5/2024; UBND huyện Yên Thế tại Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 14/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Tam Tiến (Mỏ Trạng), huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Tam Tiến (hiện trạng), huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang với ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Xuân Lương và Canh Nậu, huyện Yên Thế;

- Phía Nam: Giáp xã Tam Hiệp và Tiến Thắng, huyện Yên Thế;

- Phía Đông: Giáp xã Đồng Vương, huyện Yên Thế;

- Phía Tây: Giáp huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

b) Quy mô đồ án:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng: 3.057,1 ha;

- Quy mô dân số hiện trạng khoảng: 6.546 người;

- Quy mô dân số dự kiến đến năm 2030 khoảng 8.000 người;

- Quy mô dân số dự kiến đến năm 2040 tổng dân số khoảng 11.800 người (tính cả dân số quy đổi)

2. Tính chất

- Đô thị Tam Tiến (Mỏ trạng) là đô thị loại V, phát triển theo hướng sinh thái, trên trục đô thị hóa dọc theo QL17 của tỉnh Bắc Giang và huyện Yên Thế.

- Là đô thị động lực, hạt nhân của vùng II (vùng núi cao phía Bắc) của huyện Yên Thế.

- Là trung tâm dịch vụ - thương mại, vận tải – nông – công nghiệp của vùng huyện.

3. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính áp dụng theo tiêu chuẩn đô thị loại V và Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng và tuân thủ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên nghành hiện hành như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến 2040
I	**Chỉ tiêu đất XDĐT đối với khu dân dụng**		
1	Đất đơn vị ở trung bình	m2/người	≥55
2	Đất cây xanh đô thị tối thiểu	m2/người	≥4

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quy hoạch đến 2040
II	**Hạ tầng kỹ thuật**		
2.1	Tỷ lệ đất giao thông chính đô thị tối thiểu	% đất XD khu ĐT	≥13
2.2	Mật độ đường giao thông chính tối thiểu	km/km^2	8-6,5
2.3	Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu:		
	- Nước sinh hoạt (Qsh)	l/người/ng.đ	≥80
	- Nước tưới cây, rửa đường	%Qsh	≥ 8
	- Nước cho sản xuất nhỏ, tiểu thủ công nghiệp	%Qsh	≥ 10
2.4	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu		
	- Điện sinh hoạt	Kwh/người. năm	≥ 1.000
	- Điện công trình công cộng và chiếu sáng	% Điện sinh hoạt	≥ 30
2.5	Chỉ tiêu thoát nước thải tối thiểu		
	- Nước thải sinh hoạt	l/người/ngđ	≥80 tiêu chuẩn cấp nước
	- Nước thải công trình công cộng	%Qsh	
2.6	Chỉ tiêu tính toán CTR phát sinh tối thiểu		
	CTR sinh hoạt	kg/người/ngày	0,8

4. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu

a) Phân tích mối liên hệ vùng và đánh giá hiện trạng:

- Phân tích mối liên hệ vùng: Phân tích mối liên hệ vùng trong tương quan về vị trí địa lý so với các đô thị và khu vực lân cận theo trục Đông - Tây (QL17), trục Bắc - Nam theo các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường liên xã. Đánh giá mối liên hệ giữa thị trấn Mỏ Trạng với thị trấn huyện lỵ Phồn Xương và các đô thị lân cận khi cung cấp các dịch vụ đô thị để bổ trợ phát triển các chức năng chuyên ngành, phục vụ phát triển đô thị và phát triển kinh tế xã hội cho đô thị này.

- Đánh giá hiện trạng: Phân tích, đánh giá hiện trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tình hình phát triển đô thị; đánh giá hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng xây dựng; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; các dự án, chương trình đang triển khai; đánh giá tổng hợp hiện trạng.

b) Các giải pháp quy hoạch:

- Lựa chọn khu vực tập trung xây dựng đô thị: Bám sát các yếu tố hiện trạng và tính liên kết tổng thể đã được đánh giá, phân tích trong phần hiện trạng, đề xuất khu vực tập trung xây dựng đô thị. Xác định các trục giao thông chính kết nối đô thị. Căn cứ vào mối liên hệ vùng, các kết nối hiện trạng và tương lai nhằm đề xuất các trục giao thông kết nối vào đô thị, các trục chính phát triển đô thị.

- Cơ cấu phân khu chức năng: Đề xuất phương án cơ cấu phân khu chức

năng cụ thể của đô thị, đảm bảo phát triển bền vững, khai thác tối đa không gian chức năng và vùng cảnh quan. Xác định hệ thống các khu chức năng trong đô thị. Các khu hiện có phát triển ổn định. Các khu cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp. Các khu cần bảo tồn, tôn tạo. Các khu chuyển đổi chức năng. Các khu cấm xây dựng và các khu vực dự kiến phát triển mở rộng đô thị. Xác định và phân bố các đơn vị ở, các trung tâm công cộng, các khu dịch vụ, các khu công viên cây xanh, các khu du lịch, cụm công nghiệp, TTCN, kho tàng bến bãi, các khu cơ quan hành chính, trường chuyên nghiệp và các khu chức năng đặc thù khác.

- Quy hoạch sử dụng đất: Đề xuất quy hoạch sử dụng đất cho các khu chức năng, các hạng mục công trình chính theo cấu trúc và phân khu đã lựa chọn. Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực hoặc từng lô đất nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển. Dự kiến phân bố dân cư theo các đơn vị ở. Nghiên cứu bố trí các hành lang cách ly, hành lang hạ tầng chính và vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

- Quy hoạch tổ chức không gian - Thiết kế đô thị tổng thể: Đề xuất bố cục không gian kiến trúc cảnh quan theo phân khu chức năng, theo các trục không gian. Đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường lớn, không gian cây xanh, mặt nước và điểm nhấn trong đô thị, nhấn mạnh những nét cảnh quan đặc trưng kết hợp chặt chẽ với yếu tố địa hình tự nhiên. Các liên kết về giao thông và hạ tầng giữa các khu vực. Đề xuất được thiết kế đô thị tổng thể bao gồm các không gian trọng tâm, trọng điểm và các không gian đặc trưng trong đô thị. Nghiên cứu xác định tầng cao tối đa của công trình xây dựng của các khu chức năng và toàn đô thị. Đề xuất các quy định quản lý về kiến trúc cảnh quan.

c) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Về chuẩn bị kỹ thuật: Xác định cao độ khống chế xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực và các trục giao thông chính. Xác định các lưu vực thoát nước mưa chính, hệ thống cống thoát nước mưa và các hồ dự kiến xây dựng mới và cải tạo các lòng hồ có sẵn. Đề xuất giải pháp phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, lũ lụt.

- Về quy hoạch giao thông: Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại và đối nội (đường bộ, đường thủy). Cập nhật dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trong khu vực; tổ chức các tuyến đường bộ, đường thủy đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai; phân loại phân cấp các tuyến giao thông đô thị và đề xuất các giải pháp thiết kế cho mạng lưới giao thông nội bộ. Xác định vị trí, quy mô, số lượng các công trình đầu mối giao thông.

- Về quy hoạch cấp nước: Chỉ tiêu cấp nước, dự báo nhu cầu dùng nước cho toàn đô thị. Xác định nguồn nước sử dụng cho đô thị (trữ lượng, chất lượng). Đề xuất các giải pháp cấp nước và bảo vệ nguồn nước. Xác định công trình đầu mối về quy mô và vị trí. Thiết kế mạng lưới đường ống toàn đô thị.

- Về quy hoạch cấp điện: Xác định chỉ tiêu cấp điện và dự báo nhu cầu sử

dụng điện cho toàn đô thị. Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp, đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối, tổ chức mạng đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch.

- Về quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động: Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc. Thiết kế mới hoặc cải tạo mạng lưới thông tin liên lạc: nguồn cấp tín hiệu, mạng ngoại vi, mạng lưới thông tin chính.

- Về quy hoạch thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, nghĩa trang: Xác định chỉ tiêu thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang. Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, thu gom, xử lý chất thải rắn và quản lý nghĩa trang.

d) Giải pháp bảo vệ môi trường: Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường. Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

e) Quy hoạch sử dụng đất và các dự án chiến lược: Kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn; quy hoạch xây dựng đợt đầu; Đề xuất các dự án chiến lược.

f) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung: Xây dựng quy định quản lý chung và quy định cụ thể cho toàn khu vực theo đồ án QHC được phê duyệt.

5. Thành phần hồ sơ quy hoạch

Thành phần hồ sơ và nội dung đồ án thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

6. Tổ chức, kế hoạch, kinh phí thực hiện

a) Tổ chức thực hiện.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang

- Cơ quan thẩm định: Sở xây dựng Bắc Giang

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và trình duyệt: UBND huyện Yên Thế

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn theo quy định hiện hành.

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian hoàn thành đồ án không quá 09 tháng kể từ khi có đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định.

c) Kinh phí, nguồn vốn thực hiện:

- Kinh phí: Tổng chi phí khoảng 5.403.601.000 đồng

(Năm tỷ, bốn trăm linh ba triệu sáu trăm linh một nghìn đồng)

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Sở Xây dựng, UBND huyện Yên Thế chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Yên Thế và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN, XD.Trung.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

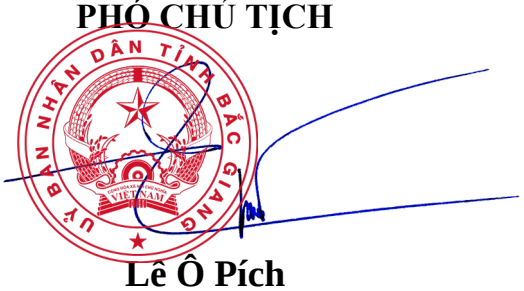

Lê Ô Pích